TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ÔngVũ Quang Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lý Thị Bầu
2. Bà Hoàng Thị Mây

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hiếu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Kiểm sát viên: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Ngày 26/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vàng A T - sinh năm: 1990
Địa chỉ: Bản NK, xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
Bị đơn: Chị Lý Thị M - Sinh năm: 1993
Địa chỉ: BN, xã ĐQ, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Vàng A T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Vàng A T và chị Lý Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên vào ngày 11 tháng 3 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng năm 2015 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không trùng quan điểm về phát triển kinh tế gia đình cũng như đối nội, đối ngoại. Anh T và chị M thường xuyên cãi chửi nhau. Sự việc đã được hai bên nội ngoại nhiều lần khuyên

bảo nhưng không cải thiện được. Từ tháng 6 năm 2016 anh T và chị M đã sống ly thân.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh T đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Việt T – Sinh ngày 23 tháng 12 năm 2012. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vàng A T.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Vàng A T ly hôn chị Lý Thị M.

Về con chung: Giao cháu Vàng Việt T – Sinh ngày 23 tháng 12 năm 2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: anh Vàng A T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Lý Thị M và giải quyết nuôi con chung, chị M cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham

gia phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Vàng A T và chị Lý Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hay cãi chửi nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Người thân của anh T và chị M cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị M phù hợp với lời khai của anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị M đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho anh Vàng A T được ly hôn với chị Lý Thị M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung:

Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Vàng Việt T có nguyện vọng được sống cùng anh T sau khi anh chị ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ anh T có mức thu nhập từ 3.000.000 đồng /01 tháng. Anh T đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung của anh chị, mặt khác chị M biết việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung nhưng chị M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Do đó, cần giao con chung của anh chị cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vàng A T được ly hôn chị Lý Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Việt T – Sinh ngày 23 tháng 12 năm 2012 cho anh Vàng A T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn chị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: a nh Vàng A T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003453 ngày 01/03/2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

T hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Yên;
- Lưu: Hsơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại